

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31/8/2018
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- * Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.**
- * Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Cự.**
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.
- * Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án.**
- * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:**
Bà Vũ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Nông Thị H (Nông Thị M),** sinh năm 1984

Trú tại: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Cạn.

*** Bị đơn: Anh Vũ Văn B,** sinh năm 1980

Trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện Đông Hưng, Thái Bình.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 17/4/2018; Tại bản tự khai ngày 03/7/2018 chị Nông Thị H nguyên đơn trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị kết hôn với anh Vũ Văn B ngày 17/3/2007 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 3 - 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng, khúc mắc trong cuộc sống nên luôn xảy ra cãi vã và không có tiếng nói chung. Chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 10/2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh Vũ Văn B.

*** Về con chung:** Chị và anh B có 01 con chung là Vũ Như Q, sinh ngày 26/01/2009. Hiện con đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và không

yêu cầu anh Bình phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

* *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Vũ Văn B: Tòa án đã triệu tập nhưng anh B không có mặt để tham gia tố tụng. Kết quả xác minh tại UBND xã Đ cùng lời khai của bà Vũ Thị T, sinh năm 1952 (là mẹ đẻ anh B); trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, Thái Bình thể hiện: Anh Vũ Văn B và chị Nông Thị H kết hôn năm 2007, do tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh B và chị H sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, có xảy ra cãi vã. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống được khoảng 3 – 4 năm nay. Anh B thường xuyên liên lạc về cho bà T và dặn bà T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà T đã thông báo cho anh B biết toàn bộ nội dung chị H xin ly hôn, thông qua bà T anh B cũng có ý kiến: “Cô H muốn xin ly hôn thì kệ cô ấy muốn làm gì thì làm”. Về con chung: Anh B và chị H có 01 con chung là Vũ Như Q, sinh ngày 26/01/2009. Ly hôn thông qua mẹ đẻ anh B có ý kiến: “Do con đã ở cùng chị H thời gian dài nên chấp nhận cho chị H nuôi con”.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn tuy đã nhận được thông báo của Tòa án về việc chị H xin ly hôn nhưng anh vẫn vắng mặt không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa nghiêm chỉnh. Về nội dung vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ vào quy định của pháp luật xử cho chị Nông Thị H (M) được ly hôn anh Vũ Văn B; Giao con chung Vũ Như Q, sinh ngày 26/01/2009 cho chị Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay anh B không có mặt tại địa phương, không có địa chỉ ổn định để đảm bảo quyền lợi cho cháu và phù hợp với nguyện vọng của cháu; Về tài sản chị H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng pháp luật. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, anh B đã được gia đình thông báo lại toàn bộ các giấy tờ, văn bản về yêu cầu xin ly hôn của chị H. Tuy nhiên anh B đã không đến trực tiếp Tòa án làm việc, Tòa án ra Quyết định đưa vụ

án ra xét xử và anh B đã được gia đình thông báo nhưng anh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tòa án tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất nhưng tại phiên tòa lần thứ hai anh B vẫn vắng mặt, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Bình; Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị H (M) kết hôn với anh Vũ Văn B ngày 17/3/2007 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã xảy ra cãi chửi nhau, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống được khoảng 3 – 4 năm nay và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. HĐXX thấy rằng chị H và anh B đã ly thân từ được khoảng 3 – 4 năm nay không quan tâm, hỏi han đến nhau, không có mối ràng buộc về kinh tế nên xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh B có 01 con chung là Vũ Như Q, sinh ngày 26/01/2009, hiện con đang ở với chị H, bên cạnh đó anh B hiện không có mặt tại địa phương, không có địa chỉ ổn định nên để đảm bảo quyền lợi và không làm thay đổi cuộc sống bình thường của cháu Vũ Như Q nên cần giao con Vũ Như Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Vũ Như Q.

[4] *Về tài sản*: Chị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nông Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị H (Nông Thị M) được ly hôn anh Vũ Văn B.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nông Thị H (M) trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Như Q, sinh ngày 26/01/2009 và không yêu cầu anh Vũ Văn B phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được

đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3 Về tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị H (M) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007669 ngày 03/7/2018 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Nông Thị H (M) và anh Vũ Văn B có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Q;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

HOÀNG VĂN THÀNH